

**TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8-32

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Bùi Thế Hùng
Ông Lưu Văn Quảng
Ông Nguyễn Thái Hòa
Ông Nguyễn Trọng Vinh
Ông Nguyễn Công Coóng
Ông Phạm Văn Huyền

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Văn Quảng
Ông Nguyễn Thái Hòa
Ông Dương Ngọc Đức
Ông Đông Trung Kiên
Ông Mai Xuân Thắng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/08/2015)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Công ty,



Bùi Thế Hùng
Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Lưu Văn Quảng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 104 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22/03/2016, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu, xác nhận nợ phải thu, nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 của các khách hàng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận số dư các khoản nợ phải thu, nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận. Do đó, chúng tôi không đánh giá tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản nợ phải thu, nợ phải trả chưa được xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

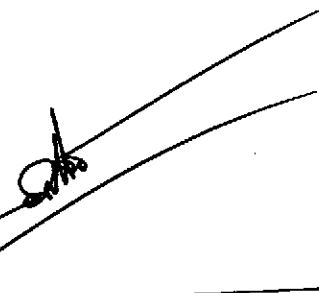
Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 04, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động công ích trên cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam, tiến độ thanh toán và Quyết định duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam. Theo đó, việc ghi nhận doanh thu sản phẩm công ích với Cục Hàng hải Việt Nam có tính lân kỳ phụ thuộc vào Quyết định phê duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam. Doanh thu ảnh hưởng có tính lân kỳ đến năm 2015 bao gồm 23.441.898.946 VND doanh thu nạo vét luồng năm 2014 ghi nhận vào năm 2015 và 4.215.338.113 VND doanh thu nạo vét và 8.203.182.627 VND doanh thu đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải năm 2015 chưa được ghi nhận. Đồng thời, một số nhiệm vụ công ích thực hiện trong năm 2015 đã hoàn thành chưa được quyết toán, Tổng Công ty đã tạm ghi nhận doanh thu trên cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam, doanh thu bổ sung sẽ được ghi nhận khi có Quyết toán chính thức của Cục Hàng hải Việt Nam. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016



Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		438.333.303.584	453.546.436.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		180.795.771.759	100.536.605.205
1. Tiền	111	5	180.795.771.759	100.536.605.205
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.577.166.108	284.354.013.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	169.484.990.551	189.089.353.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.054.085.643	58.764.039.179
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	13.218.744.625	40.561.620.345
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.180.654.711)	(4.060.998.640)
III. Hàng tồn kho	140	11	58.433.700.491	63.640.349.499
1. Hàng tồn kho	141		59.001.510.772	63.640.349.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(567.810.281)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.526.665.226	5.015.467.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	509.532.783	330.588.575
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.844.493	4.142.331.187
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	8.957.287.950	542.547.987
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		397.537.578.647	428.652.547.249
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		127.007.408	1.710.626.343
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	64.841.308	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	62.166.100	1.710.626.343
II. Tài sản cố định	220		268.936.447.597	276.336.716.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	263.593.545.301	270.405.089.947
- Nguyên giá	222		552.774.054.759	536.446.483.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.180.509.458)	(266.041.393.591)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	5.342.902.296	5.931.626.088
- Nguyên giá	228		8.430.077.750	8.430.077.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.087.175.454)	(2.498.451.662)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	8.583.779.235	12.952.497.499
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.240.099.984	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.343.679.251	12.952.497.499
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	116.826.732.337	135.919.975.517
1. Đầu tư vào công ty con	251		99.623.609.837	129.408.481.517
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.490.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.792.530.000	8.792.530.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.079.407.500)	(2.281.036.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.063.612.070	1.732.731.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.188.681.385	1.732.731.855
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		874.930.685	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		835.870.882.231	882.198.983.652

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
				(Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		320.142.567.583	387.445.105.251
I. Nợ ngắn hạn	310		320.108.930.004	387.445.105.251
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	133.306.806.775	89.994.189.486
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	27.584.853.629	4.337.554.983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.830.078.569	10.560.701.340
4. Phải trả người lao động	314		53.069.489.655	41.617.291.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	43.580.778.555	126.186.981.489
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	13.482.905.415
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	26.352.286.697	52.205.634.345
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.384.636.124	49.059.847.174
II. Nợ dài hạn	330		33.637.579	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	33.637.579	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		515.728.314.648	494.753.878.401
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	515.580.724.344	493.779.516.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.847.916.103	490.859.373.783
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.255.580.528	2.620.821.780
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		24.477.227.713	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	299.320.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	299.320.767
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		147.590.304	974.362.071
1. Nguồn kinh phí	431	22	(28.828.046.683)	(29.290.832.260)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		28.975.636.987	30.265.194.331
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		835.870.882.231	882.198.983.652



Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

Trần Hoàng Long
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		670.639.301.621	598.212.574.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.185.113.915	2.196.273.702
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	669.454.187.706	596.016.301.193
4. Giá vốn hàng bán	11	25	573.421.133.205	499.364.826.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		96.033.054.501	96.651.475.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.130.564.270	685.106.297
7. Chi phí tài chính	22	27	2.258.214.000	5.860.988
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	71.798.300.602	68.107.922.350
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		23.107.104.169	29.222.797.993
10. Thu nhập khác	31	28	3.573.167.017	1.331.130.477
11. Chi phí khác	32	29	2.703.422.369	1.760.794.655
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		869.744.648	(429.664.178)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.976.848.817	28.793.133.815
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.291.646.396	6.599.260.717
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		18.685.202.421	22.193.873.098



[Signature]
Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

[Signature]

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

[Signature]

Trần Hoàng Long
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	760.495.848.476	722.697.161.180
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(474.883.057.662)	(424.468.442.242)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(178.698.351.380)	(157.868.661.715)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(9.603.858.353)	(3.579.240.246)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	83.270.348.538	25.754.513.828
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(88.037.973.259)	(96.474.541.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	92.542.956.360	66.060.789.353
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.547.541.496)	(12.615.138.216)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	129.832.787	342.665.582
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.108.065.297	603.817.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.309.643.412)	(11.668.654.940)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	80.233.312.948	54.392.134.413
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	100.536.605.205	46.144.470.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25.853.606	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	180.795.771.759	100.536.605.205



Lưu Văn Quang
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Long
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẤU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc theo Quyết định số 1089/QĐ-BGTVT ngày 27/05/2011 của Bộ Giao thông vận tải. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0200640769 ngày 03/08/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 15/04/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 543.366.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động theo Đăng ký kinh doanh tại: Số 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015 là 1.211 người (tại ngày 31/12/2014 là 1.197 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Cung ứng dịch vụ vận hành hệ thống báo hiệu đèn biển; Cung ứng dịch vụ vận hành hệ thống báo hiệu hàng hải luồng tàu biển; Khảo sát và thực hiện thanh thải chướng ngại vật trên các luồng hàng hải, vùng nước cảng biển và các công trình khác; Điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải đối với các công trình thi công và các hoạt động khác diễn ra trên vùng nước cảng biển và luồng hàng hải; Cung cấp dịch vụ dẫn tàu biển ra vào các cảng, khu neo đậu tàu, khu chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển và các phương tiện nổi; Trục vớt, cứu hộ hàng hải và dịch vụ kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm; Lập trình máy vi tính;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xưởng thể thao giải trí;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính 2015, bốn Công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty TNHH MTV Thiết bị hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc thực hiện cổ phần hóa theo các Quyết định số 3447/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014, Quyết định số 3498/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2014, Quyết định số 3449/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014 và Quyết định số 394/QĐ-BGTVT ngày 02/02/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên sang công ty cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:

1. Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Trung Bộ;
2. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bảo đảm An toàn Hàng hải Bắc Trung Bộ;
3. Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc;
4. Xí nghiệp Bảo đảm An toàn Hàng hải Đông Bắc Bộ.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực II;
2. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực III;
3. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực IV;
4. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;
5. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hàng hải miền Bắc (đến ngày 08/01/2015);
6. Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc (đến ngày 07/01/2015);
7. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc (đến ngày 08/01/2015);
8. Công ty TNHH Một thành viên Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc (đến ngày 30/09/2015).

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc (từ ngày 09/01/2015);
2. Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc (từ ngày 08/01/2015);
3. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc (từ ngày 09/01/2015);
4. Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc (từ ngày 01/10/2015).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó để đảm bảo khả năng so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty được trình bày lại như tại Thuyết minh số 33 - Số liệu so sánh.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Tổng Công ty trong năm bao gồm:

- Bộ Giao thông Vận tải: là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Tổng Công ty đầu tư vốn;
- Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

~~Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán~~

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

11/2/15
KẾ TÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty bao gồm: Chi phí xây dựng trụ sở làm việc tại các đơn vị phụ thuộc và chi phí xây dựng các tài sản khác phục vụ cho hoạt động công ích của Tổng Công ty.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là toàn bộ số chi phí thực tế đã phát sinh phục vụ cho các hoạt động công ích của Tổng Công ty theo các hợp đồng kinh tế, lệnh sản xuất. Trong năm, Tổng Công ty đã trích các chi phí này vào giá vốn của hoạt động sản xuất công ích.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng, bao gồm: Vốn Nhà nước cấp trực tiếp cho Tổng Công ty từ khi thành lập, vốn Nhà nước Tổng Công ty được nhận trực tiếp từ nơi khác chuyển đến theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế, vốn được nhận bàn giao từ các đơn vị khác.

Chủ sở hữu vốn của Tổng Công ty là Bộ Giao thông vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Tổng Công ty được phân phối vào các quỹ và bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Trích tối đa 30% quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện;
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích với Cục Hàng hải Việt Nam:

- (a) Đối với phí bảo đảm hàng hải: được ghi nhận trước trên cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam; doanh thu bổ sung sẽ được ghi nhận khi có Quyết toán chính thức của Cục Hàng hải Việt Nam;
- (b) Đối với doanh thu hoạt động nạo vét luồng: ghi nhận theo tiến độ thanh toán của Cục Hàng hải Việt Nam;
- (c) Đối với hoạt động đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải: ghi nhận khi có duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam.

Doanh thu hoạt động ngoài công ích bao gồm các khoản doanh thu do Tổng Công ty tự khai thác từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	872.030.659	445.014.969
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	179.923.741.100	100.091.590.236
Cộng	<u>180.795.771.759</u>	<u>100.536.605.205</u>

CÔNG TY BẢO ĐÁM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU B 09-DN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	99.623.609.837	-	99.623.609.837	129.408.481.517
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực II	44.153.523.326	-	44.153.523.326	44.153.523.326
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực III	22.010.943.811	-	22.010.943.811	22.010.943.811
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV	21.759.142.700	-	21.759.142.700	21.759.142.700
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VI	11.700.000.000	-	11.700.000.000	11.700.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc (i)	-	-	-	3.383.220.221
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng hải miền Bắc (i)	-	-	-	4.807.333.639
Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc (i)	-	-	-	6.712.160.692
Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ Hàng hải miền Bắc (i)	-	-	-	14.882.157.128
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.490.000.000	-	14.490.000.000	-
Công ty CP Cơ khí hàng hải miền Bắc	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
Công ty CP Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc	1.901.200.000	-	1.901.200.000	-
Công ty CP XD Công trình hàng hải miền Bắc (ii)	1.525.400.000	-	1.525.400.000	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc	8.163.400.000	-	8.163.400.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	8.792.530.000	(6.079.407.500)	2.713.122.500	8.792.530.000
Đầu tư chứng khoán (ii)	8.792.530.000	(6.079.407.500)	2.713.122.500	8.792.530.000
Cộng	122.906.139.837	(6.079.407.500)	116.826.732.337	138.201.011.517
				(2.281.036.000)
				6.511.494.000

Ghi chú:

- (i) Các Công ty con được cổ phần hóa theo các Quyết định số 3447/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014, Quyết định số 3498/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2014, Quyết định số 3449/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014 và Quyết định số 394/QĐ-BGTVT ngày 02/02/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải Miền Bắc thuộc Tổng Công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú: (Tiếp theo)

(ii) Tổng Công ty đang xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc trích lập dự phòng nếu có là 544.185.126 VND, theo đó Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

(iii) Là số tiền Tổng Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải với số lượng cổ phiếu là 1.085.249 cổ phiếu.

Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu tại 31/12/2015 được Tổng Công ty trích lập dựa trên mức giá cao nhất theo Bảng giá của Công ty Cổ phần chứng khoán Đông Nam Á.

b) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực II	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	100%	100%	Dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực III	TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	100%	100%	Dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV	Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100%	100%	Dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VI	TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	Dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển

c) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	290.000	29,00%	29,00%	Sửa chữa, gia công, hoán cải, phục hồi các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác bảo đảm hàng hải
Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	190.120	49,00%	49,00%	Sản xuất, gia công, lắp ráp, sửa chữa các máy móc trang thiết bị báo hiệu hàng hải
Công ty CP Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	152.540	29,00%	29,00%	Xây dựng các công trình hàng hải
CTCP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	816.340	49,00%	49,00%	Nạo vét duy tu luồng hàng hải

Trong năm 2015, ngoại trừ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Hàng hải miền Bắc kinh doanh lỗ, các công ty con, liên kết của Tổng Công ty đều có kết quả kinh doanh lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	169.217.161.649	188.941.493.066
Cục Hàng hải Việt Nam (i)	131.115.390.644	145.826.691.297
Ban quản lý dự án hạ tầng	4.124.765.730	11.727.115.879
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	3.514.372.450	-
Tổng Công ty Xây dựng đường thủy	3.130.244.501	1.391.392.796
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phả - VINACOMIN	2.768.326.625	2.354.731.920
Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam	2.760.941.791	971.582.062
Tổng CTCP Xây lắp Dầu Khí Việt nam	2.366.521.540	832.784.630
Công ty CP CN tàu thủy và XD Nam Triệu	2.364.000.600	2.364.000.600
Ban quản lý dự án hàng hải III	1.933.066.632	5.859.022.735
Các đối tượng khác	15.139.531.136	17.614.171.147
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	267.828.902	147.860.000
Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc	49.093.902	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	147.860.000	147.860.000
Công ty CP Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc	70.875.000	-
Cộng	169.484.990.551	189.089.353.066

Ghi chú: (i) Phải thu Cục Hàng hải Việt Nam phản ánh số dư khoản phải thu về doanh thu hoạt động công ích do Tổng Công ty thực hiện hàng năm theo nhiệm vụ được giao. Khoản công nợ của Cục Hàng hải được ghi nhận trên cơ sở tạm xác định doanh thu theo nhiệm vụ công ích hoàn thành chưa được Cục Hàng hải phê duyệt nghiệm thu.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.556.035.464	52.981.166.332
Công ty TNHH Phúc Nam	4.174.332.075	1.250.000.000
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam	495.000.000	495.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng	400.482.787	488.494.442
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ	-	15.571.160.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	12.441.122.147
Công ty Cổ phần Công trình vận tải - CTC	-	10.815.515.000
Các đối tượng khác	2.486.220.602	11.919.874.743
b) Trả trước cho người bán dài hạn	64.841.308	-
Các đối tượng khác	64.841.308	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	3.498.050.179	5.782.872.847
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc	1.907.989.839	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	1.457.773.936	5.676.533.870
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc	132.286.404	106.338.977
Cộng	11.118.926.951	58.764.039.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	13.218.744.625	-	40.561.620.345	-
Ký cược, ký quỹ	8.166.512.137	-	10.955.864.564	-
Tạm ứng	1.770.066.678	-	3.528.341.411	-
Bảo hiểm xã hội	40.879.500	-	57.843.400	-
Phải thu khác	3.241.286.310	-	26.019.570.970	-
- Công ty TNHH Phúc Nam (i)	2.822.566.984	-	-	-
- Cục Hàng hải Việt Nam	-	-	15.702.271.979	-
- Các đối tượng khác	418.719.326	-	10.317.298.991	-
<i>b) Dài hạn</i>	62.166.100	-	1.710.626.343	-
Tạm ứng	41.404.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.710.626.343	-
Phải thu khác	20.762.100	-	-	-
Cộng	13.280.910.725	-	42.272.246.688	-

Ghi chú: (i) Khoản thuế giá trị gia tăng tạm tính đối với các khoản giá vốn trích trước theo khối lượng thực hiện năm 2015 nhưng chưa được xuất hóa đơn.

10. NỢ XẤU VÀ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần CN tàu thủy và Xây dựng Nam Triệu	2.364.000.600	-	2.364.000.600	175.694.997
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CN tàu thủy Nam Triệu	526.943.788	-	526.943.788	-
CTCP TVĐTXD và hàng hải thương mại	421.000.000	300.500.000	-	-
CTCP Tư vấn thiết kế và Xây dựng công trình cảng biển	350.000.000	245.000.000	-	-
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật hàng hải	299.638.242	-	299.638.242	-
Công ty CP XD và TM Quê Hương	198.814.496	59.644.349	198.814.496	59.644.349
CNTCTXD đường thủy - Công ty Nạo vét đường biển I	263.711.741	81.102.684	263.711.741	81.102.684
Công ty TNHH TVXD & Đào tạo kinh tế thương mại	175.000.000	-	175.000.000	-
Các đối tượng khác	386.556.518	118.763.641	614.331.803	65.000.000
Cộng	4.985.665.385	805.010.674	4.442.440.670	381.442.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.796.017.493	(105.162.325)	7.770.732.258	-
Công cụ, dụng cụ	5.471.641.386	(462.647.956)	8.045.129.356	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.191.376.852	-	47.259.548.233	-
Thành phẩm	542.475.041	-	564.939.652	-
Cộng	59.001.510.772	(567.810.281)	63.640.349.499	-

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</i>				
Thả phao, quản lý vận hành luồng lọc dầu Nghi Sơn	1.240.099.984	1.240.099.984	-	-
<i>b) Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	7.343.679.251	7.343.679.251	12.952.497.499	12.952.497.499
<u>Trong đó:</u>				
Đóng mới tàu quản lý các đèn biển xa bờ (ST208)	2.967.024.539	2.967.024.539	2.967.024.539	2.967.024.539
Xây dựng trạm quản lý luồng Phà Rừng	2.630.842.965	2.630.842.965	2.630.842.965	2.630.842.965
Hoán cải, thay mới máy và hệ trục Cano 02, 05	1.126.700.392	1.126.700.392	27.272.727	27.272.727
Xây dựng cầu tàu trạm Đà Nẵng	-	-	6.829.148.661	6.829.148.661
Chi phí xây dựng cơ bản khác	619.111.355	619.111.355	498.208.607	498.208.607

CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 01 Lô 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B 09-DN

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Ưu thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	301.513.108.159	42.799.548.051	94.508.795.441	3.604.378.944	94.020.652.943	536.446.483.538						
Mua trong năm	-	1.394.620.000	671.818.182	181.818.182	3.080.311.204	5.328.567.568						
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	12.639.294.953	-	-	-	-	12.639.294.953						
Tặng do nhận bàn giao	-	-	784.841.500	-	-	3.670.020.000						
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.594.125.188)	(817.341.500)	(125.537.000)	(1.985.037.930)	(4.522.041.618)						
Giảm do bán giao	(240.000.000)	-	-	-	(548.269.682)	(788.269.682)						
Tại ngày 31/12/2015	313.912.403.112	42.600.042.863	95.148.113.623	3.660.660.126	97.452.835.035	552.774.054.759						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2015	84.929.914.169	35.147.783.430	71.846.833.782	2.266.356.792	71.850.505.418	266.041.393.591						
Khấu hao trong năm	10.738.279.350	1.646.251.622	5.751.758.866	327.087.125	6.022.281.690	24.485.658.653						
Tặng do nhận bàn giao	-	-	784.841.500	-	-	3.670.020.000						
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.594.125.188)	(817.341.500)	(125.537.000)	(1.813.478.542)	(4.350.482.230)						
Giảm do bán giao	(240.000.000)	-	-	-	(426.080.556)	(666.080.556)						
Tại ngày 31/12/2015	95.428.193.519	35.199.909.864	77.566.092.648	2.467.906.917	78.518.406.510	289.180.509.458						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2015	216.583.193.990	7.651.764.621	22.661.961.659	1.338.022.152	22.170.147.525	270.405.089.947						
Tại ngày 31/12/2015	218.484.209.593	7.400.132.999	17.582.020.975	1.192.753.209	18.934.428.525	263.593.545.301						

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 144.351.184.025 VND (tại ngày 31/12/2014 là 133.387.852.103 VND).

Ghi chú: (i) Trong năm Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng nguyên giá Tòa nhà Văn phòng Tổng Công ty theo Quyết định số 980/QĐ-TCT.BĐATHHMB ngày 26/12/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê của Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải I (tiền thân của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên) tại Thành phố Hải Phòng. Giá trị quyết toán được duyệt là 143.669.819.281 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	4.041.438.920	4.388.638.830	8.430.077.750
Tại ngày 31/12/2015	4.041.438.920	4.388.638.830	8.430.077.750
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	-	2.498.451.662	2.498.451.662
Khấu hao trong năm	-	588.723.792	588.723.792
Tại ngày 31/12/2015	-	3.087.175.454	3.087.175.454
Giá trị còn lại			-
Tại ngày 01/01/2015	4.041.438.920	1.890.187.168	5.931.626.088
Tại ngày 31/12/2015	4.041.438.920	1.301.463.376	5.342.902.296

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 813.144.928 VND (tại ngày 31/12/2014 là 813.144.928 VND).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	509.532.783	330.588.575
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	246.785.945	150.991.440
Các khoản khác	262.746.838	179.597.135
b) Dài hạn	2.188.681.385	1.732.731.855
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	105.696.669	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.618.086.823	1.145.303.684
Các khoản khác	464.897.893	587.428.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị khả năng trả nợ	Số có VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	99.960.800.544	99.960.800.544	56.569.775.433	56.569.775.433
Công ty CP Công trình vận tải - CTC	26.142.120.677	26.142.120.677	-	-
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ	17.798.986.675	17.798.986.675	-	-
Công ty CP XD và TM Quê Hương	15.516.552.310	15.516.552.310	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh	8.995.884.372	8.995.884.372	-	-
Chi nhánh Công ty CP XD và TM Quê Hương tại Hà Nội	-	-	17.226.436.477	17.226.436.477
Công ty CP Phát triển hạ tầng và xây lắp	-	-	9.020.000.000	9.020.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	31.507.256.510	31.507.256.510	30.323.338.956	30.323.338.956
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	33.346.006.231	33.346.006.231	33.424.414.053	33.424.414.053
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải KV II	14.705.418.691	14.705.418.691	15.721.388.680	15.721.388.680
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải KV III	9.681.965.745	9.681.965.745	6.963.566.485	6.963.566.485
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải KV IV	3.858.384.982	3.858.384.982	1.965.271.836	1.965.271.836
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải KV VI	577.159.823	577.159.823	4.640.605.259	4.640.605.259
Công ty CP Cơ khí hàng hải miền Bắc	2.565.478.308	2.565.478.308	2.801.826.161	2.801.826.161
CTCP Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc	1.957.598.682	1.957.598.682	1.331.755.632	1.331.755.632
Cộng	133.306.806.775	133.306.806.775	89.994.189.486	89.994.189.486

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27.584.853.629	4.337.554.983
Công ty TOA Corporation	13.602.968.303	-
Cục Hàng hải Việt Nam	8.540.310.353	-
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	3.643.550.000	-
Công ty CP xây lắp dầu khí Miền Trung	1.470.000.000	1.470.000.000
Các đối tượng khác	328.024.973	2.867.554.983
Cộng	27.584.853.629	4.337.554.983

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng (i)	5.255.300.160	16.318.595.215	26.570.974.523	(4.997.079.148)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.105.624.606	5.294.610.031	9.603.858.353	796.376.284
Thuế thu nhập cá nhân	(517.358.428)	2.193.914.177	1.608.349.017	68.206.732
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.459.458	1.459.458	-
Các loại thuế khác	5.286.751	2.000.000	2.000.000	5.286.751
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	169.300.264	415.110	169.715.374	-
Cộng	10.018.153.353	23.810.993.991	37.956.356.725	(4.127.209.381)

Ghi chú: (i) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cuối kỳ bao gồm số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại các đơn vị phụ thuộc là 3.960.208.802 VND, số thuế giá trị gia tăng nộp thừa phải thu tại Văn phòng Tổng Công ty là 8.957.287.950 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	43.580.778.555	126.186.981.489
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	40.703.083.898	123.997.120.230
Trích trước chi phí lãi tiền vay		
Chi phí trích trước khác	2.877.694.657	2.189.861.259
- Các khoản phụ cấp định lượng, nước ngọt, đi biển	2.712.054.657	2.161.270.348
- Các khoản khác	165.640.000	28.590.911

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.352.286.697	52.205.634.345
Kinh phí công đoàn	50.879.971	127.395.268
Bảo hiểm xã hội	283.010.916	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.018.395.810	52.078.239.077
- Chuyển từ quỹ khen thưởng, phúc lợi sang (i)	2.227.510.000	2.227.510.000
- Thuế VAT tạm tính (ii)	18.136.761.355	23.288.662.657
- Phải trả khác	5.654.124.455	26.562.066.420
b) Dài hạn	33.637.579	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.637.579	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền sử dụng quỹ phúc lợi để mua cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải.
- (ii) Tiền thuế GTGT đối với các khoản doanh thu tạm ghi nhận theo khối lượng thực hiện năm 2015 chưa xuất hóa đơn cho Cục Hàng Hải Việt Nam.

Hàng Hải Việt Nam

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU B 09-DN

2.1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		LNST thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014									
Tăng vốn trong năm	464.473.784.489	18.693.163.992					(89.717.446)	483.077.231.035	
Lợi nhuận trong năm	26.385.589.294	(18.753.464.206)					-	7.632.125.088	
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.538.962.378				22.193.873.098	22.193.873.098	
Tăng/(giảm) khác	-	142.159.616					(21.760.064.842)	(19.221.102.464)	
Số dư tại ngày 01/01/2015	490.859.373.783	2.620.821.780					(44.770.043)	97.389.573	
Tăng vốn trong năm (i)	11.283.414.000	-	-	-	-	-	299.320.767	493.779.516.330	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	11.283.414.000	
Tiền thu từ cổ phần hóa (ii)	-	-	-	-	24.477.227.713	-	18.685.202.421	18.685.202.421	
Giảm vốn trong năm (iii)	(15.294.871.680)	-	-	-	-	-	-	24.477.227.713	
Phân phối lợi nhuận (iv)	-	1.498.193.068	-	-	-	-	-	(15.294.871.680)	
Tăng/(giảm) khác	-	136.565.680	-	-	-	-	(18.981.559.552)	(17.483.366.484)	
Số dư tại ngày 31/12/2015	486.847.916.103	4.255.580.528			24.477.227.713		(2.963.636)	133.602.044	
									515.580.724.344

Ghi chú:

(i) Vốn chủ sở hữu tăng trong năm do Tổng Công ty được đến bù Trụ sở cũ bị giải tỏa năm trong quyết toán tăng nguyên giá Tòa nhà Văn phòng Tổng Công ty theo giá trị tại Quyết định số 980/QĐ-TCT.BĐA.THHMB ngày 26/12/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê của Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải I (tiền thân của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên) tại Thành phố Hải Phòng.

(ii) Khoản tiền thu từ cổ phần hóa 04 Công ty con của Tổng Công ty theo Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 19/5/2015, Quyết định số 1772/QĐ-BGTVT ngày 19/5/2015, Quyết định số 2212/QĐ-BGTVT ngày 22/6/2015 và Quyết định số 4318/QĐ-BGTVT ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải miền Bắc và Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú: (Tiếp theo)

(iii) Giảm vốn trong năm là khoản điều chỉnh giảm giá trị vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải miền Bắc và Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc.

(iv) Theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, trong năm 2015 Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển:	1.498.193.068 VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi:	16.920.285.708 VND
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành Tổng Công ty:	563.080.777 VND.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0200640769 ngày 15/04/2015, vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty là 543.366.000.000 VND. Chủ sở hữu vốn của Tổng Công ty là Bộ Giao thông vận tải.

22. NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện tại ngày 31/12/2015 là số dư Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ cấp vốn hoạt động hoa tiêu hàng hải đã hoàn thành chưa được duyệt quyết toán nguồn kinh phí đã thực hiện.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	17.683,46	18.817,33

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Saphia Quốc tế	102.867.141	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng đường thủy	12.435.425	-

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động công ích	567.854.472.400	479.815.479.237
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	102.784.829.221	118.397.095.658
Cộng	<u>670.639.301.621</u>	<u>598.212.574.895</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.185.113.915	2.196.273.702
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	1.185.113.915	2.196.273.702
	<u>669.454.187.706</u>	<u>596.016.301.193</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động công ích	486.020.348.496	398.055.983.117
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	87.400.784.709	101.308.843.042
Cộng	573.421.133.205	499.364.826.159

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.104.710.664	658.678.315
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.853.606	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	26.427.982
Cộng	1.130.564.270	685.106.297

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.258.214.000	-
Chi phí tài chính khác	-	5.860.988
Cộng	2.258.214.000	5.860.988

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Thu thanh lý tài sản cố định	115.426.403	155.900.272
Thu phạt chậm tiến độ	2.556.768.106	767.865.048
Thu nhập khác	900.972.508	407.365.157
Cộng	3.573.167.017	1.331.130.477

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền nộp phạt chậm tiến độ	2.509.042.645	767.865.048
Chi phí khác	194.379.724	992.929.607
Cộng	2.703.422.369	1.760.794.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm 2015

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	VND
Tiền thuê đất, thuê nhà	990.147.680
Chi phí nhân viên	20.168.272.765
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.685.029.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.609.411.847
Thuế, phí và lệ phí	2.097.019.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.249.166.698
Chi phí phân bổ	507.676.262
Chi phí ăn ca	3.971.884.499
Chi phí dự phòng	429.958.637
Các khoản chi phí QLDN khác	11.284.732.351
Cộng	71.993.300.602

b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	195.000.000
Cộng	195.000.000

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	23.976.848.817	28.793.133.815
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	76.089.360	1.202.534.541
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(25.853.606)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>101.942.966</i>	<i>1.202.534.541</i>
Thu nhập chịu thuế	24.052.938.177	29.995.668.356
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.291.646.396	6.599.260.717

Tổng Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế năm 2015 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 101.942.966 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẤU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(180.795.771.759)	(100.536.605.205)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	515.580.724.344	493.779.516.330
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.795.771.759	100.536.605.205
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.773.775.887	223.772.259.703
Đầu tư tài chính dài hạn	116.826.732.337	135.919.975.517
Cộng	<u>474.396.279.983</u>	<u>460.228.840.425</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	159.692.731.051	142.199.823.831
Chi phí phải trả	43.580.778.555	126.186.981.489
Cộng	<u>203.273.509.606</u>	<u>268.386.805.320</u>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế, do đó Tổng Công ty chưa áp dụng.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Tổng Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.795.771.759	-	180.795.771.759
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.753.013.787	20.762.100	176.773.775.887
Đầu tư tài chính dài hạn	-	116.826.732.337	116.826.732.337
Cộng	357.548.785.546	116.847.494.437	474.396.279.983
Tại ngày 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	159.659.093.472	33.637.579	159.692.731.051
Chi phí phải trả	43.580.778.555	-	43.580.778.555
Cộng	203.239.872.027	33.637.579	203.273.509.606
Chênh lệch thanh khoản thuần	154.308.913.519	116.813.856.858	271.122.770.377
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.536.605.205	-	100.536.605.205
Phải thu khách hàng và phải thu khác	222.061.633.360	1.710.626.343	223.772.259.703
Đầu tư tài chính dài hạn	-	135.919.975.517	135.919.975.517
Cộng	322.598.238.565	137.630.601.860	460.228.840.425
Tại ngày 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	142.199.823.831	-	142.199.823.831
Chi phí phải trả	126.186.981.489	-	126.186.981.489
Cộng	268.386.805.320	-	268.386.805.320
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.211.433.245	137.630.601.860	191.842.035.105

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
<u>Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</u>			
Phải thu ngắn hạn khác	26.077.414.370	14.484.205.975	40.561.620.345
Tài sản ngắn hạn khác	14.484.205.975	(14.484.205.975)	-
Phải thu dài hạn khác	-	1.710.626.343	1.710.626.343
Tài sản dài hạn khác	1.710.626.343	(1.710.626.343)	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	13.482.905.415	13.482.905.415
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	13.482.905.415	(13.482.905.415)	-
<u>Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh</u>			
Thu nhập khác	1.536.351.106	(205.220.629)	1.331.130.477
Chi phí khác	1.966.015.284	(205.220.629)	1.760.794.655



Lưu Văn Quảng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Long
Người lập biểu